

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HOẠT ĐỘNG THỰC TẬP SƯ PHẠM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

BÙI HOÀNG TÂN*

Ngày nhận bài: 08/03/2017; ngày sửa chữa: 09/03/2017; ngày duyệt đăng: 15/03/2017.

Abstract: Teaching practice is one of important phase of training teachers with aim to equip student teacher with professional skills. Since 2007, this activity at Can Tho University has been changed to agree with curriculum under credit system. However, the implementation still remains shortcomings. In this article, author proposes some recommendations to improve quality of teaching practice in line with requirements of existing curriculum under credit system.

Keywords: Teaching practice, credits system, Can Tho University.

Thực tập sư phạm (TTSP) là một khâu trọng yếu trong quy trình đào tạo giáo viên (GV) của Trường Đại học Cần Thơ nhằm rèn luyện và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (SV) khối ngành sư phạm. Từ năm 2007 đến nay, hoạt động này được chuyển đổi và cải tiến cho phù hợp với hình thức đào tạo đại học theo học chế tín chỉ. Trong thời gian thực hiện đã nảy sinh những vấn đề đòi hỏi cần phải đánh giá và có biện pháp khắc phục nhằm góp phần điều chỉnh hoạt động này cho hợp lý và hiệu quả hơn.

1. Tổng quan hoạt động TTSP theo chương trình đào tạo (CTĐT) học chế tín chỉ

1.1. Về khung chương trình TTSP. Từ năm 2007, Trường Đại học Cần Thơ đã triển khai CTĐT tín chỉ đối với bậc đại học. Theo đó, Khoa Sư phạm đã cải tiến khung CTĐT vào các năm 2007, 2010 và 2014 phù hợp với định hướng đổi mới toàn diện giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội (xem bảng 1).

Bảng 1. Sự thay đổi học phần TTSP qua các lần thiết kế CTĐT

Năm	Tổng số tín chỉ của CTĐT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tỉ lệ %	Lí thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)
2007	138	XH	TTSP	5	3,6	0	150
2010	120	SP	TTSP	4	3,3	0	120
2014	140	SG	TTSP	3	2,1	0	90

(Nguồn: Giáo vụ Khoa Sư phạm - Trường Đại học Cần Thơ)

Học phần TTSP qua 3 lần thiết kế đã có sự thay đổi về mã số, số tín chỉ thể hiện qua tỉ lệ từ 5/138 tín chỉ (3,6%) giảm còn 4/120 tín chỉ (3,3%) và 3/140 tín chỉ (2,1%). Điều này ảnh hưởng đến thời lượng TTSP từ 150 tiết (2007), 120 tiết (2010) và chỉ còn 90 tiết (2014).

1.2. Về hình thức và thời gian TTSP. SV được tổ chức TTSP vào học kì 8 năm thứ tư ở một số trường

phổ thông theo hình thức tập trung và học tập dưới sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm (NVSP) ở các trường phổ thông thuộc tỉnh Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng và Vĩnh Long.

1.3. Về nội dung TTSP. Hoạt động TTSP của SV được tập trung vào 4 nhóm công việc:

- *Tìm hiểu thực tế giáo dục:* SV làm quen với các hoạt động và cơ cấu tổ chức của nhà trường, tình hình học sinh (HS), cha mẹ HS và đặc thù giáo dục ở địa phương, các loại hồ sơ, sổ sách lớp học và tình hình các lớp giảng dạy và chủ nhiệm...

- *Thực tập giảng dạy:* SV xây dựng kế hoạch thực tập giảng dạy theo từng tuần và toàn đợt, dự giờ chuyên môn, soạn giáo án, thiết kế đồ dùng dạy học, tập giảng và dạy trên lớp theo phê duyệt của giáo viên hướng dẫn (GVHD) chuyên môn, trong đó có 8 tiết được sự đánh giá của GVHD chuyên môn.

- *Thực tập chủ nhiệm:* thông qua GVHD chủ nhiệm, nhóm SV (2-4 SV được phân công) xây dựng và thực hiện kế hoạch chủ nhiệm theo tuần và cả đợt, dự giờ các buổi sinh hoạt chủ nhiệm, ngoại khóa, đảm bảo thực tập 4 tiết chủ nhiệm có GVHD đánh giá.

- *Hoàn thành hồ sơ và viết báo cáo:* sau khi thực hiện các hoạt động thực tập giảng dạy và chủ nhiệm, SV hoàn tất các loại báo cáo, biểu mẫu được quy định trong hồ sơ TTSP.

1.4. Về đánh giá kết quả TTSP. Công tác đánh giá thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT, khoa Sư phạm biên soạn thành các biểu mẫu cụ thể. SV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực lập kế hoạch và thực hiện công tác chủ nhiệm và giảng dạy, dự giờ, quản lí HS, năng lực tự đánh giá bản thân... thể hiện qua các biên bản, nhận xét và nhật kí TTSP.

* Trường Đại học Cần Thơ

Chủ thể đánh giá bao gồm: Ban chỉ đạo TTSP của trường phổ thông, GVHD, SV cùng nhóm và tự đánh giá của SV dựa trên kết quả TTSP 8 tiết giảng dạy và 4 tiết chủ nhiệm tại trường phổ thông. Kết quả được gửi về trường đại học làm căn cứ xếp loại học tập cho SV.

1.5. Về kết quả TTSP (xem bảng 2).

Bảng 2. Kết quả TTSP của SV từ năm 2007-2016

Năm	Tổng số SV	Kết quả xếp loại tổng hợp															
		A (9,0 – 10,0)		B+ (8,0 – 8,9)		B (7,0 – 7,9)		C+ (6,5 – 6,9)		C (5,5 – 6,4)		D+ (5,0 – 5,4)		D (4,0 – 4,9)		F (<4,0)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2007	635	476	74,96	154	24,25	5	0,79										
2008	820	629	76,71	188	22,93	3	0,36										
2009	968	786	81,20	172	17,77	8	0,83	2	0,20								
2010	929	831	89,45	95	10,22	2	0,22	1	0,11								
2011	1099	1031	93,81	66	6,01	1	0,09	1	0,09	0		0		0		0	
2012	989	894	90,39	69	6,98	24	2,43	2	0,20	0		0		0		0	
2013	1010	929	91,98	52	5,15	23	2,28	2	0,20	0		0		1	0,10	3	0,30
2014	1081	1047	96,86	19	1,76	13	1,20	1	0,09	1	0,09	0		0		0	
2015	1022	823	80,53	186	18,20	10	0,98	3	0,29	0		0		0		0	
2016	1163	977	84,00	164	14,10	13	1,12	2	0,17	1	0,09	1	0,09	1	0,09	4	0,34
TB	972	842	85,99	117	12,74	10	1,03	2	0,17	1	0,09	1	0,09	1	0,09	4	0,32

(Nguồn: Số liệu lưu trữ TTSP, Khoa Sư phạm - Trường Đại học Cần Thơ)

Căn cứ kết quả TTSP cho thấy, tỉ lệ điểm A trung bình khoảng 85%, điểm B là 12,74% và các mức điểm còn lại từ 0,09-1%. Trong đó, năm 2014 tỉ lệ điểm A đạt cao nhất 96,86%. Ngược lại, có năm kết quả TTSP của SV bị điểm F như năm 2013 chiếm 0,30% và 2016 là 0,34%, phần lớn là do SV bỏ TTSP. Trong khoảng 5 năm thực hiện đào tạo tín chỉ thì kết quả TTSP tăng dần về điểm A và giảm dần ở các khung điểm còn lại. Hiện nay, có sự điều chỉnh khung điểm nên kết quả TTSP có sàng lọc từ A - F.

2. Nhận xét chung

2.1. Ưu điểm. Việc điều chỉnh CTĐT làm thay đổi học phần TTSP về số tiết nhưng thời lượng TTSP vẫn giữ nguyên 8 tuần học tập, đây là sự linh hoạt trong thiết kế CTĐT để tăng tín chỉ các học phần chuyên môn và phương pháp dạy học (PPDH) chuẩn bị cho SV tốt hơn trước khi đi TTSP ở trường phổ thông.

Công tác tổ chức TTSP được chuẩn bị chu đáo từ lập kế hoạch đến tổ chức tiền trạm, khảo sát địa bàn TTSP, tập huấn chuyên môn, phương thức phối hợp chỉ đạo và thực hiện giữa trường đại học với các trường phổ thông được thống nhất đã tạo thuận lợi cho SV học tập.

Với hình thức TTSP tập trung và gửi thẳng như hiện nay, SV phát huy được tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo trong học tập đồng thời còn giúp tiết kiệm chi phí và thời gian khi điều động số lượng lớn giảng viên theo các đoàn TTSP trong thời gian dài. Địa điểm TTSP là các trường phổ thông ở địa bàn xung quanh Trường Đại học Cần Thơ giúp SV dễ dàng di chuyển và tiếp xúc với môi trường giáo dục không quá chênh lệch về trình độ HS.

Nội dung TTSP là sự tổng hợp các khối kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và khoa học giáo dục được thiết kế lí thuyết gắn với thực tiễn để SV thực hành một cách nhuần nhuyễn. Nội dung TTSP còn giúp cho SV được đánh giá và tự đánh giá được năng lực học tập và ý thức nghề nghiệp của bản thân ngay một hoàn thiện hơn.

Tuy số tín chỉ và thời lượng TTSP không nhiều nhưng công tác đánh giá luôn được chú trọng, lấy chuẩn đánh giá TTSP do Bộ GD-ĐT ban hành làm cơ sở cùng với các chuẩn

do trường đại học yêu cầu nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. SV được hướng dẫn và đánh giá bởi đội ngũ GV có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm sư phạm và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp đã giúp đánh giá năng lực của SV được chính xác hơn. Ngoài ra, việc đánh giá và tự đánh giá của nhóm TTSP còn giúp SV nhận thức sâu sắc hơn về năng lực và tự điều chỉnh của bản thân để hoàn thiện cá nhân sau quá trình TTSP.

Kết quả TTSP từ năm 2007-2016 cho thấy, phần lớn học lực của SV được cải thiện thể hiện ở tỉ lệ >80% xuất sắc, > 10% giỏi, trung bình và yếu <1%. Kết quả TTSP đã ghi nhận sự nỗ lực phấn đấu của SV trong học tập và thực hành nghề nghiệp, qua đó còn phản ánh tính khách quan trong đánh giá quy trình đào tạo GV của Trường Đại học Cần Thơ.

2.2. Một số vấn đề tồn tại. CTĐT SV theo học chế tín chỉ đã có cải tiến mới nhưng còn bất cập ở một số điểm như phân bố giữa khối kiến thức chuyên môn và NVSP chưa đều, tỉ lệ giữa lí thuyết và thực hành còn thiên lệch... đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo SV sư phạm.

Chiến lược tổ chức TTSP còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa trường đại học với các trường phổ thông:

TTSP tập trung và “khoán trắng” việc đánh giá SV cho trường phổ thông đảm trách đã đưa đến một số hệ lụy: - Kiến thức và kĩ năng SV lĩnh hội trong thời gian TTSP phụ thuộc vào kinh nghiệm và năng lực sư phạm của GVHD; - SV không phát huy được hết khả năng do có tư duy xem PPDH của GVHD là kiểu mẫu và bị hạn chế cơ hội quan sát, tiếp cận với nhiều PPDH và kinh nghiệm giáo dục của nhiều GV; - Việc đánh giá kết quả mang tính chủ quan do chịu tác động không nhỏ từ cảm tính của mỗi GVHD; - Thiếu sự gắn kết giữa vai trò giảng viên dẫn đoàn và GVHD ở trường phổ thông.

Kết quả TTSP chỉ thể hiện thứ bậc điểm số, không có tính phân hóa năng lực SV do: thời gian TTSP quá ít để GVHD đánh giá quá trình rèn luyện của SV, quy trình đánh giá TTSP chưa đủ khách quan khi kênh thông tin còn hạn chế về ý kiến HS, kết quả đánh giá của nhóm TTSP, giảng viên đại học... và thiếu cơ chế phối hợp đánh giá thường xuyên giữa trường phổ thông với trường đại học trong đánh giá năng lực SV sư phạm.

Kinh phí đầu tư cho TTSP rất hạn chế, do vậy mức chi hỗ trợ cho GVHD ở trường phổ thông chưa thoả đáng. Thực sự đội ngũ GVHD ở trường phổ thông được ví như “cỗ máy cái” để SV có thể học hỏi và khai thác. Nếu không đầu tư đúng và đủ liệu những cỗ máy này còn đủ sức để đồng hành cùng với trường đại học trong công tác đào tạo SV sư phạm hay không?

3. Một số kiến nghị

Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GV ở Trường Đại học Cần Thơ, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng công tác TTSP trong thời gian tới:

- Cần tham khảo CTĐT GV của các trường đại học trong và ngoài nước để xây dựng CTĐT cho SV sư phạm Trường Đại học Cần Thơ theo mô hình mới dựa trên cơ sở phối hợp giữa: khối kiến thức khoa học chuyên ngành với thời lượng 2-3 năm do các khoa Xã hội & Nhân văn, Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Khoa học Chính trị... đảm nhận và khối kiến thức NVSP: thời lượng 1 năm do Khoa Sư phạm giảng dạy.

- Hoạt động TTSP cần được thiết kế theo hướng tinh giản học phần kiến tập sư phạm và TTSP thành một học phần với việc tăng thời lượng thực tập từ 8 tuần tăng lên 10-12 tuần, giúp giảm bớt nhân lực, chi phí và thời gian nhưng tập trung toàn lực mang tính hiệu quả và khoa học hơn; công tác TTSP cần tổ chức thường xuyên thông qua sự gắn kết và phối

hợp với các trường phổ thông vệ tinh trên địa bàn, đặc biệt là khai thác tốt vai trò của trường trung học phổ thông trong công tác TTSP. Trường Đại học Cần Thơ cần tạo điều kiện để SV tiếp xúc, thực hành nghề nghiệp theo từng nấc thang đào tạo và được định hướng đúng đắn về ý thức nghề nghiệp.

- Chất lượng kết quả đánh giá và xếp loại SV trong TTSP không chỉ là khâu thủ tục chấm điểm tiết dạy mà còn có ý nghĩa phân hóa năng lực sư phạm của SV giúp phân loại SV theo các cấp độ khác nhau. Do vậy, đánh giá và xếp loại TTSP sẽ đảm bảo các yêu cầu về khoa học, chính xác, công bằng và khách quan trên cơ sở phối hợp giữa cơ sở đào tạo với trường phổ thông. Kết quả TTSP có tính phân hóa năng lực là nguồn dữ liệu khoa học đáng tin cậy phục vụ cho công tác nghiên cứu và đào tạo ngày càng chất lượng hơn.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho TTSP cần được đầu tư hợp lí và hiệu quả hơn, chi bồi dưỡng cho GVHD ở trường phổ thông đúng với công sức và năng lực để GV tập trung thời gian và tâm huyết cho việc hỗ trợ đào tạo với cơ sở đào tạo SV. Do ngân sách còn hạn chế nên nhà trường chi hỗ trợ và SV đóng góp nhằm cải thiện được nguồn kinh phí cho TTSP.

4. Kết luận

Hoạt động TTSP trong học chế tín chỉ từ năm 2007 đến nay ở Trường Đại học Cần Thơ ngày càng hiệu quả, chất lượng dần được cải thiện, tuy nhiên cũng còn những bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo SV. Những ưu điểm từ hình thức đào tạo tín chỉ đã giúp SV phát huy được tiềm năng nghề nghiệp trong hoạt động TTSP, tuy vậy một số hạn chế cũng đòi hỏi phải khắc phục kịp thời nhằm tránh những hệ lụy không mong muốn đối với sự nghiệp giáo dục. Việc cải tiến và nâng cao chất lượng TTSP đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa Trường Đại học Cần Thơ và các trường phổ thông sử dụng nguồn lực GV, trong đó không thể thiếu vai trò tự học, tự rèn luyện của SV. Đổi mới hình thức và nội dung TTSP là yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng đào tạo GV, góp phần thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Thanh Ái (2013). *Chương trình đào tạo đại học sư phạm theo học chế tín chỉ: một số bất cập và giải pháp*. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 3/2013, tr 5-8.

(Xem tiếp trang 219)

Hoạt động 4: Giảng viên phát phiếu học tập số 2 và yêu cầu SV giải hệ thống bài toán trong phiếu học tập số 2, gồm các bài tương tự như trong phiếu học tập số 1 để SV có KN giải phương trình và bất phương trình tốt hơn, hạn chế được những sai lầm đã thể hiện khi thực hiện phiếu học tập số 1.

Hoạt động 5: Từng nhóm SV tự đề xuất phiếu học tập tương tự phiếu số 1, số 2 và tổ chức cho SV nhóm này thực hiện phiếu học tập của nhóm khác (có thể vòng quanh: nhóm 1 thực hiện phiếu học tập của nhóm 2, nhóm 2 thực hiện phiếu học tập của nhóm 3,...). Hoạt động này nhằm tạo ra nhiều hệ thống bài toán, rèn luyện KN giải phương trình và bất phương trình cho SV.

3. Kết luận

Sau khi thực hiện các hoạt động trên, chúng tôi nhận thấy rằng SV đã rèn luyện được KN giải toán về phương trình và bất phương trình ở mức thành thạo hơn: giải toán nhanh hơn, tránh được sai lầm, nhanh chóng xác định được dạng, phân dạng được phương

trình, bất phương trình. Đồng thời, SV còn được tập dượt một kĩ thuật dạy học giúp hình thành, phát triển KN giải toán cho học sinh sau này: tổ chức dạy học theo nhóm. Từ việc được trải nghiệm rèn luyện KN giải toán, SV sẽ có kinh nghiệm, nắm được một cách thức tổ chức dạy học rèn luyện KN giải toán cho học sinh của mình. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Bá Kim (2015). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bùi Văn Nghị (2008). *Phương pháp dạy học những nội dung cụ thể môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Nguyễn Dương Hoàng (2008). *Tổ chức hoạt động dạy học bộ môn Phương pháp dạy học Toán theo định hướng tăng cường rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Vinh.
- [4] G. Polya (1997). *Giải bài toán như thế nào*. NXB Giáo dục.
- [5] Đỗ Thị Trinh (2012). *Rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên Khoa Toán Trường Đại học Sư phạm*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Một số giải pháp xây dựng...

(Tiếp theo trang 196)

nhân cách tốt đẹp cho con người. Mỗi nhà trường, mỗi cơ sở giáo dục cần quan tâm hơn nữa trong việc xây dựng VHNT bằng nhiều phương pháp và hình thức khác nhau. Vì cùng với gia đình, nhà trường là cái nôi ban đầu để hình thành nhân cách, đạo đức của thế hệ trẻ. Những năm qua, Trường CĐSP Quảng Trị đã có nhiều giải pháp thiết thực để tăng cường hiệu quả công tác đào tạo nói chung, công tác xây dựng VHNT nói riêng. Những kết quả đã đạt được của nhà trường là sự đóng góp tích cực cho thắng lợi của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn San - Phan Đăng (2009). *Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 3) (1995). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Trần Ngọc Thêm (1997). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Học viện Quản lý Giáo dục (2008). *Tài liệu bồi dưỡng hiệu trưởng trường phổ thông theo hình thức liên kết Việt Nam - Singapore*.
- [5] Trần Quốc Vượng (1997). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Một số vấn đề về hoạt động...

(Tiếp theo trang 199)

- [2] Bernhard Muszynski - Nguyễn Thị Phương Hoa (2010). *Con đường nâng cao chất lượng cải cách các cơ sở đào tạo giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Bộ GD-ĐT (2007). *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT* ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- [4] Nguyễn Thị Hồng Nam (chủ biên) (2011). *Tài liệu hướng dẫn công tác kiến tập và thực tập sư phạm*. NXB Đại học Cần Thơ.
- [5] Bùi Hoàng Tân (2013). *Đổi mới công tác đào tạo sinh viên Sư phạm Lịch sử thông qua mối liên hệ với các trường trung học phổ thông ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, số 29/2013, tr 1-5.
- [6] Lê Thị Minh Thu (2015). *Đề xuất những giải pháp đổi mới hoạt động thực tập trong đào tạo giáo viên của các trường đại học sư phạm. Kí yếu hội thảo khoa học, Khoa Sư phạm - Trường Đại học Cần Thơ năm 2015*. NXB Đại học Cần Thơ, tr 96-98.
- [7] Phạm Đức Thuận (2015). *Một số vấn đề về chương trình đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Cần Thơ hệ thống tín chỉ. Kí yếu hội thảo khoa học, Khoa Sư phạm - Trường Đại học Cần Thơ năm 2015*. NXB Đại học Cần Thơ, tr 90-95.
- [8] Trường Đại học Cần Thơ (2007, 2010, 2014). *Khung chương trình đào tạo từ Khóa 33, Khóa 36, Khóa 40*. NXB Đại học Cần Thơ.